**BÀI TẬP**

**BÀI 6: GIỚI THIỆU VỀ LIÊN KẾT HÓA HỌC**

1. **TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng?**

A. Tất cả các nguyên tố khí hiếm đều có 8 electron ở lớp electron ngoài cùng

B. Vỏ nguyên tử của các nguyên tố khí hiếm đều có cùng số lớp electron

C. Các nguyên tố khí hiếm đều rất khó hoặc không kết hợp với nguyên tố khác thành hợp chất

D. Hợp chất tạo bởi các nguyên tố khí hiếm đều ở thể khí

**Câu 2: Hãy chọn phát biểu đúng để hoàn thành câu sau: Để có số electron ở lớp ngoài cùng giống nguyên tử của nguyên tố khí hiếm, các nguyên tử của các nguyên tố có khuynh hướng**

A. Nhường các electron ở lớp ngoài cùng

B. Nhận thêm electron vào lớp electron ngoài cùng

C. Nhường electron hoặc nhận electron để lớp electron ngoài cùng đạt trạng thái bền (có 8 electron)

D. Nhường electron hoặc nhận electron hoặc góp chung electron.

**Câu 3: Nguyên tử O khi nhận them 2 electron thì tạo thành ion nào sau đây?**

A. O+ B. O2+ C. O- D. O2-

**Câu 4: Nguyên tử Ba khi nhường đi 2 electron thì tạo thành ion nào sau đây?**

A. Ba- B. Ba2- C. Ba+ D. Ba2+

**Câu 5: Nguyên tử S trở thành ion S2- khi**

A. Nhận thêm 1 electron B. Nhận thêm 2 electron

C. Nhường đi 1 electron D. Nhường đi 2 electron

**Câu 6: Nguyên tử Al trở thành ion Al3+ khi**

A. Nhận thêm 1 electron B. Nhận thêm 3 electron

C. Nhường đi 1 electron D. Nhường đi 3 electron

**Câu 7. Trong phân tử potassium chloride, nguyên tử K (potassium) và nguyên tử Cl (chlorine) liên kết với nhau bằng liên kết**

A. cộng hóa trị. B. ion.

C. phi kim. D. kim loại.

**Câu 8. Khi hình thành phân tử calcium chloride, nguyên tử Ca (calcium)**

A. nhường 2 electron cho nguyên tử chlorine.

B. nhận 1 electron từ nguyên tử chlorine.

C. nhường 1 electron cho nguyên tử chlorine.

D. nhận 2 electron từ nguyên tử chlorine.

**Câu 9. Để hình thành liên kết ion trong phân tử sodium sulfide, nguyên tử S (sulfur)**

A. nhường 2 electron cho nguyên tử sodium.

B. nhường 6 electron cho nguyên tử sodium.

C. nhận 2 electron từ nguyên tử sodium.

D. nhận 4 electron từ nguyên tử sodium.

**Câu 10. Cho biết phân tử Calcium chloride được tạo thành 1 nguyên tử Ca và 2 nguyên tử Cl. Liên kết ion trong phân tử hình thành từ 2 ion sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ca+ và Cl2- | B. Ca+ và Cl- | C. Ca2+ và Cl- | D. Ca2+ và Cl2- |

1. **TỰ LUẬN**

**Câu 1. Điền từ vào chỗ trống**

1. Nguyên tử … (1) … có lớp electron ngoài cùng bền vững.
2. Nguyên tử của các nguyên tố khác có thể đạt được lớp electron ngoài cùng của khí hiếm bằng cách tạo thành … (2) …
3. Liên kết … (3) … là liên kết được hình thành bởi lực hút giữa các ion mang điện tích trái dấu.

**Câu 2.** Vẽ sơ đồ mô tả sự hình thành liên kết ion trong phân tử sodium chloride.

**Câu 3:** Magnesium oxide (gồm 1 nguyên tử magnesium và 1 nguyên tử oxygen) có nhiều ứng dụng trong đời sống. Nó là thành phần chính trong các lò sản xuất sắt, thép, các kim loại màu, thủy tinh hay xi măng,… Em hãy cho biết thêm các ứng dụng khác của magnesium oxide. Vẽ sơ đồ hình thành liên kết tạo ra phân tử magnesium oxide và tính khối lượng phân tử của nó.**/.**